

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10/10/2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Mau.

2. Ông Nguyễn Trọng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị Thân Th, sinh năm: 1995, địa chỉ: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1988, địa chỉ: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Tạ Thị Thân Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Lê Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông vào ngày 30 tháng 01 năm 2013. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con cái. Mặc dù đã được gia đình, bạn bè khuyên nhủ, động viên nhưng chị và anh Đ vẫn không hàn gắn được mâu thuẫn. Từ đầu năm 2016 chị và anh Đ bắt đầu sống ly thân và từ đó đến

nay không còn thương yêu, chăm sóc gì nhau nữa. Nay chị Th thấy tình cảm, tình yêu thương không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Văn Ph, sinh ngày 29/11/2014. Hiện tại cháu Ph đang sống với anh Đ, chị Th có nguyện vọng giao con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản, công nợ chung: Không có nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nên không có lời khai lưu tại hồ sơ.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông nhận định:

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đương sự đều cư trú tại tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông. Chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Đ và giải quyết con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014 quyển số 01/2014

ngày 4/6/2014) nên cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải, động viên nhưng vẫn không hàn gắn được. Hiện tại chị Th và anh Đ không còn thương yêu, chăm sóc nhau lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Th và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th đối với anh Đ.

[5] Về nuôi con chung: Chị Th và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Văn Ph, sinh ngày 29/11/2014. Hiện tại cháu Ph đang sống với anh Đ. Vì công việc không ổn định, thu nhập thất thường, thấy không đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên chị Th có nguyện vọng giao cháu Ph cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc ngày 14/9/2017 bà Phạm Thị Th - là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ và ông Từ Văn S - là tổ trưởng tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông cho biết: Từ khi chị Th và anh Đ sống ly thân, cháu Ph trực tiếp sống với anh Đ, cháu khỏe mạnh, ngoan và được anh Đ chăm sóc rất chu đáo. Hội đồng xét xử xét thấy để bảo đảm sự phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần cũng như sự ổn định về nơi sinh sống của con chung, cần giao cháu Ph cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là đúng pháp luật, mức cấp dưỡng là do chị Th tự nguyện nên cần chấp nhận.

[7] Về chia tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84; Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Thân Th đối với anh Lê Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Thân Th được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Văn Ph, sinh ngày 29/11/2014 cho anh Lê Văn Đ trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Đ có quyền yêu cầu chị Th thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu chị Th cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Văn Ph với mức 1.500.000đ/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Tạ Thị Thân Th phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001645 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Đắk Nông, chị Th còn phải nộp số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường N, tx P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thắm